

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **145/2026/DS-ST**

Ngày: 27-5-2026

*“Về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Hữu D – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130a/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn B, sinh ngày 26/03/1990. Căn cước công dân số: 096090016986, cấp ngày 07/5/2021.

Địa chỉ: Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Vũ P, sinh năm 1980. Căn cước công dân số: 096080009144, cấp ngày 02/7/2021 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Ý N, sinh ngày 05/5/1990. Căn cước số: 095090002924, cấp ngày 04/11/2024 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Tô Văn B trình bày:

Ông và ông Trần Ý N là bạn bè quen biết nhau vào ngày 16 tháng 02 năm 2019 ông N có hỏi vay ông số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng, lãi suất ông N tự đưa ra là 02% mỗi tháng, thời hạn vay là 24 tháng trả lãi vào ngày 16 mỗi tháng, ông đã giao cho ông N đủ số tiền 90.000.000 đồng tại nhà ông vào ngày 16/03/2019 ông N trả lãi cho ông tháng đầu tiên là 1.800.000 đồng sau đó ông N không đóng lãi nữa, ông có đòi ông N nhiều lần thì ngày 16/9/2022 ông cùng vợ là bà N1 có trả cho ông thêm tiền lãi 1.800.000 đồng. Đến ngày 16/9/2023 ông có đến nhà ông N để đòi tiền thì mẹ ông N có trả thay cho ông N 5.000.000 đồng tiền lãi, từ đó đến nay ông N không có trả cho ông khoản tiền nào nữa.

Do đó để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông, ông khởi kiện yêu cầu ông Trần Ý N trả cho ông số tiền vay gốc là 90.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/02/2019 đến ngày 16/9/2025 là 79 tháng số tiền lãi 118.026.000 đồng, trừ tiền lãi mà ông N đã trả 8.600.000 đồng thì ông N phải trả lãi là 109.426.000 đồng, tổng vốn và lãi là 199.426.000 (Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Ý N trình bày:

Ông thừa nhận là ông có mượn tiền của ông B với số tiền 90.000.000 đồng nhưng không nhớ thời gian năm nào, ông gặp trực tiếp ông B mượn, ông B cũng đưa tiền mặt cho ông, sau đó tôi cũng đã trả cho ông B xong số tiền 90.000.000 đồng, hiện nay không còn thiếu ông B khoản tiền nào hết. Ông trả nhiều lần, cụ thể bao nhiêu lần thì ông không nhớ rõ. Ông chỉ đưa tiền trực tiếp cho ông B không có làm giấy tờ. Ông xác định tài khoản Zalo tên “Nguyễn Lâm” đúng là tài khoản của ông nhưng ông đã ngưng sử dụng khoảng 01 năm ngoài nay. Đối với yêu cầu của ông B thì ông không đồng ý vì không còn nợ ông B nữa. Ông xin Tòa án cho ông được vắng mặt xét xử vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn B. Buộc ông Trần Chí N2 trả cho ông B tổng số tiền 90.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của ông B đối với số tiền 109.426.000 đồng. Án phí: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông Tô Văn B khởi kiện yêu cầu ông Trần Ý N trả tiền vay nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1

Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Vũ P, bị đơn ông Trần Ý N3 có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Ông Tô Văn B khởi kiện yêu cầu ông Trần Ý N trả số tiền vay gốc 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng và tiền lãi là 109.426.000 đồng, tổng vốn và lãi là 199.426.000 (Một trăm chín mươi chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông N vay tiền của ông B, ông B không có giấy tờ gì chứng minh. Tuy nhiên tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai đương sự ngày 31/12/2025 ông Trần Ý N thừa nhận có vay của ông B số tiền 90.000.000 đồng nên không cần phải chứng minh. Ông N cho rằng đã trả cho ông B xong số tiền 90.000.000 đồng nhưng không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh cho việc đã trả cho ông B số tiền trên và cũng không được ông B thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông N mà có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông B về việc yêu cầu ông N trả số tiền vay gốc là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của ông B, Hội đồng xét xử thấy rằng sự việc vay tiền giữa các bên không có văn bản giấy tờ gì chứng minh các bên có thỏa thuận tính lãi và cũng không được ông N thừa nhận. Tại hồ sơ vụ án ông B có cung cấp tin nhắn Zalo với tên “Nguyễn Lâm” nhưng trong nội dung tin nhắn cũng không có nội dung nào liên quan đến thỏa thuận tính lãi nên yêu cầu tính lãi của ông B với số tiền 109.426.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Tô Văn B phải chịu án phí 05% trên số tiền yêu cầu không được Toà án chấp nhận. Ông Trần Ý N phải chịu án phí 05% trên số tiền phải trả cho ông B.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn B1 về việc yêu cầu ông Trần Ý N trả tiền vay. Buộc ông Trần Ý N trả cho ông Tô Văn B số tiền 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Tô Văn B đối với ông Trần Ý N về việc trả tiền lãi với số tiền là 109.426.000 (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

Ông Trần Ý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, chưa nộp.

Ông Tô Văn B phải chịu án phí với số tiền 5.471.300 đồng. Ngày 05 tháng 12 năm 2025, ông B đã nộp số tiền 4.985.650 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005945 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cà Mau, được đổi trừ chuyển thu án phí, ông B phải nộp tiếp số tiền 485.650 (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi) đồng, chưa nộp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lựa